

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2019/DS-ST

Ngày: 24-10-2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Lộc.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Nguyên Phượng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 217/2019/TLST- DS ngày 25 tháng 6 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2019/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thành N**, sinh năm: 1979; “Có mặt”

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:*

- Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm: 1980; “Vắng mặt”

- Chị **Nguyễn Thị Ngọc B**, sinh năm: 1982; “Có mặt”

Cùng địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn – anh Nguyễn Văn L: Chị **Nguyễn Thị Ngọc B**, sinh năm: 1982; Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 25/9/2019). “Có mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 19/6/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn – chị Nguyễn Thành N - trình bày:**

Khoảng tháng 5/2019, vợ chồng anh L, chị B xây nhà và thiếu hụt tiền nên có vay tiền của chị tổng cộng hai lần, cụ thể như sau:

- Ngày 09/5/2019: Vay số tiền 15.000.000 đồng, có lập giấy nợ viết tay, do chị B tự tay viết và ký tên nhận nợ, thỏa thuận lãi suất 30.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng. Trong giấy nợ không ghi thời hạn trả nhưng chị và chị B có thỏa thuận miệng thời hạn trả là 01 tháng sau.

- Ngày 23/5/2019: Vay số tiền 20.000.000 đồng, có lập giấy nợ viết tay, chị B là người viết giấy nợ và ký tên nhận nợ, thỏa thuận 20 ngày sau chị B phải hoàn trả số tiền này và không thỏa thuận lãi suất.

Cho đến thời điểm hiện tại thì chị B vẫn chưa trả cho chị nợ gốc và lãi.

Trong đơn khởi kiện và suốt quá trình giải quyết vụ án, chị yêu cầu vợ chồng anh L, chị B trả nợ gốc 35.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Tại phiên tòa, chị bổ sung yêu cầu khởi kiện, buộc vợ chồng anh L, chị B trả lãi đối với số tiền 35.000.000 đồng theo quy định pháp luật tính từ ngày 23/5/2019 cho đến ngày Tòa án xét xử.

*** Bị đơn – chị Nguyễn Thị Ngọc B – trình bày:**

Chị và anh Nguyễn Văn L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn năm 2001. Với mục đích chi tiêu, xoay sở trong gia đình, vợ chồng chị có vay của chị N tổng cộng 35.000.000 đồng. Chị thống nhất với lời trình bày của chị N, tuy nhiên, đối với khoản vay 15.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 6%/tháng và chị sẽ trả khi chị N có yêu cầu (Chị N khai lãi 30.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng, thời hạn trả là 01 tháng kể từ ngày vay là không đúng). Hiện, chị N đã nhiều lần yêu cầu nhưng vợ chồng chị chưa có khả năng chi trả.

Chị B trình bày có trả lãi nhưng không có giấy tờ hay chứng cứ gì chứng minh.

Nay chị và anh L đồng ý trả cho chị N số tiền 35.000.000 đồng, xin được trả dần hàng tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

*** Bị đơn – anh Nguyễn Văn L – trình bày trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa thông qua người đại diện hợp pháp là chị Nguyễn Thị Ngọc B:**

Thống nhất với lời khai của chị B, anh sẽ cùng chị B có nghĩa vụ trả số tiền 35.000.000 đồng cho chị N, xin được trả dần hàng tháng 1.000.000 đồng cho đến

khi trả hết nợ.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đều đã tuân thủ theo đúng quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh L, chị B trả số tiền 35.000.000 đồng, không xem xét yêu cầu tính lãi suất vì vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Anh L, chị B chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn – anh Nguyễn Văn L - vắng mặt nhưng đã ủy quyền tham gia tố tụng cho chị Nguyễn Thị Ngọc B. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh L.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về giá trị pháp lý của hợp đồng vay tài sản:

Anh L và chị B thừa nhận có vay của chị N số tiền 35.000.000 đồng theo đúng giấy nợ đề ngày “09/5/2019” và “23/5/2019” chị N cung cấp cho Tòa án. Như vậy, có căn cứ xác định việc vay mượn nợ giữa chị N và anh L, chị B là có thật.

Đối với khoản vay 20.000.000 đồng, giấy nợ thể hiện rõ có thỏa thuận thời hạn trả nhưng không thỏa thuận về lãi suất, phù hợp lời khai của các bên nên có căn cứ xác định đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi được điều chỉnh theo quy định tại Điều 463, 470 Bộ luật Dân sự 2015.

Đối với khoản vay 15.000.000 đồng, hai bên thống nhất có thỏa thuận lãi nhưng không thống nhất về thời hạn trả và không có chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình. Tuy nhiên, giấy nợ không thể hiện thời hạn trả. Vì thế, căn cứ vào chứng cứ là giấy nợ, xác định đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và có lãi được điều chỉnh theo quy định tại Điều 463, 469 Bộ luật Dân sự 2015.

[2.2] Về việc thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng vay tài sản giữa hai bên:

Chị B và anh L xác định hiện vẫn còn nợ chị N toàn bộ số nợ gốc là 35.000.000 đồng theo đúng yêu cầu khởi kiện của chị N. Anh chị xác định đây là nợ chung của vợ chồng và đồng ý trả số nợ này. Vì thế, Hội đồng xét xử xét thấy

cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, buộc vợ chồng anh L, chị B liên đới trả cho chị N số tiền nợ gốc 35.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp.

Bị đơn khai đã trả lãi nhiều lần nhưng lại không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh trong khi nguyên đơn lại không thừa nhận có nhận lãi. Do đó, không có căn cứ xác định bị đơn đã trả lãi cho nguyên đơn.

Về yêu cầu xin trả dần của bị đơn: Xét thấy, trong giấy nợ đã lập, hai bên không thỏa thuận về cách thức trả dần, tại phiên tòa, chị N cũng không đồng ý cho trả dần. Vì thế, căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin trả dần của bị đơn.

[2.3] Về việc bổ sung yêu cầu khởi kiện của chị N tại phiên tòa: Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, chị N đều không yêu cầu tính lãi. Vì thế, việc bổ sung yêu cầu tính lãi của chị N tại phiên tòa là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử không chấp nhận theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự,

[2.4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không xem xét yêu cầu tính lãi suất vì vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, đề nghị này có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của chị N được Hội đồng xét xử chấp nhận nên anh L và chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 228, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 469, 470 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thành N, buộc anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Ngọc B có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thành N số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Ngọc B phải liên đới chịu 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thành N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị N 875.000 đồng (Tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019980 ngày 25/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Quyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

